

# Xung đột giữa quyền tiếp cận thông tin KH&CN với bảo hộ quyền tác giả tiếp cận dưới góc độ pháp luật

Lê Tùng Sơn<sup>1\*</sup>, Trần Văn Tiên<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

<sup>2</sup>Học viện Hành chính Quốc gia

Ngày nhận bài 26/7/2021; ngày chuyển phân biên 30/7/2021; ngày nhận phân biên 30/8/2021; ngày chấp nhận đăng 7/9/2021

## Tóm tắt:

Quyền tiếp cận thông tin (TCTT) khoa học và công nghệ (KH&CN) và quyền tác giả (QTG) là hai chế định pháp luật có vai trò quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, tạo nền tảng để thực hiện các quyền con người, quyền công dân khác như: học tập, nghiên cứu khoa học, tiếp cận và thụ hưởng các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa tinh thần. Đồng thời, tạo động lực thúc đẩy phát triển xã hội học tập và nền kinh tế tri thức. Tuy vậy, trên thực tế, qua nghiên cứu về thực trạng pháp luật hiện hành, hai chế định pháp luật này đang có những xung đột nhất định. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật và nhận diện những xung đột hiện hữu giữa quyền TCTT KH&CN với bảo hộ QTG, bài viết đề xuất giải pháp chính sách nhằm khắc phục những xung đột trên.

**Từ khóa:** bảo hộ quyền tác giả, quyền tiếp cận thông tin, sở hữu trí tuệ, thông tin KH&CN.

**Chỉ số phân loại:** 5.5

## Mở đầu

Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên thông tin và tri thức với sự biến đổi không ngừng của KH&CN, đặc biệt dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế chuyển đổi số. Thông tin, tri thức đã và đang phát huy vai trò như một động lực trong việc hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Quyền TCTT nói chung, TCTT KH&CN nói riêng đã trở thành một chế định quan trọng có sự ảnh hưởng, tác động đến các quyền học tập, nghiên cứu khoa học, hưởng thụ các giá trị văn hóa, sáng tạo và các quyền con người, quyền công dân khác. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc thực thi quyền TCTT của công dân có sự đa dạng, trong đó, tiếp cận thông tin qua môi trường số được dự báo tương lai sẽ là phương thức chủ yếu. Để đáp ứng yêu cầu này, việc tạo dựng khung pháp lý trong TCTT, trong đó giải quyết thấu đáo những vấn đề liên quan đến bảo hộ QTG được đặt ra.

QTG là một chế định có tác động đến sự sáng tạo và tôn vinh những đóng góp về văn học, nghệ thuật, khoa học và các lĩnh vực khác thuộc sự bảo hộ của QTG đối với cá nhân. Tiếp cận từ tổng thể hệ thống pháp luật, quyền TCTT và QTG có sự thống nhất, giao thoa và xung đột với nhau. Sự xung đột này được nhận diện do triết lý của hai chế định pháp luật này hướng đến, nếu như quyền TCTT nhấn mạnh việc bảo đảm cho mọi công dân được tiếp cận với thông tin, tri thức ở một phổ rộng, thì bảo hộ QTG nhấn mạnh vai trò và những lợi ích về mặt vật chất và tinh thần mang lại cho từng cá nhân trong hoạt động sáng tạo, đặc biệt là việc tạo ra tri thức cho cộng đồng. Khi đó, trong nhiều trường hợp, đặc biệt trong môi trường số sẽ gặp phải xung đột về lợi ích của chủ thể sáng tạo với nhu cầu được tiếp cận và sử dụng những tri thức này của cộng đồng. Điều đó đòi hỏi cần có sự điều chỉnh của pháp luật, để vừa bảo đảm những quyền lợi cho người sáng tạo, vừa bảo đảm quyền TCTT của cộng đồng.

\*Tác giả liên hệ: Email: tungson.ussh@gmail.com

Trên cơ sở khái quát thực trạng pháp luật về quyền TCTT KH&CN và QTG, bài viết nhận diện xung đột của hai chế định này, đồng thời đưa ra những quan điểm tiếp cận và giải pháp để giải quyết những xung đột. Do đó, những câu hỏi nghiên cứu sau cần được trả lời: *xung đột về quyền TCTT KH&CN với bảo hộ QTG có biểu hiện như thế nào và tác động của nó? Cần có những tiếp cận và điều chỉnh trong hệ thống pháp luật về QTG và quyền TCTT KH&CN như thế nào để khắc phục những xung đột này?*

## Pháp luật về quyền TCTT KH&CN và bảo hộ QTG ở Việt Nam

### Quyền TCTT KH&CN

Thông tin KH&CN giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển KH&CN và đổi mới của mỗi quốc gia. Thông tin KH&CN được hiểu là *những dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức được tạo ra trong các hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo được chất lọc, tổng hợp thành tri thức khoa học, được thể hiện dưới các phương thức khác nhau như ngôn ngữ, ký hiệu, hình ảnh và các phương thức khác tác động đến giác quan của con người nhằm phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân và các nhu cầu khác liên quan đến việc trau dồi tri thức của người sử dụng.*

Thông tin KH&CN được thể hiện ở nhiều dạng vật mang tin khác nhau, trong nghiên cứu này xem xét thông tin KH&CN được thể hiện dưới dạng sách, báo, tạp chí khoa học và các dạng ấn phẩm khoa học (sau đây gọi chung là tác phẩm khoa học) với các hình thức thể hiện dưới dạng in, số và những dạng khác. Trong bối cảnh công nghệ thông tin và chuyển đổi số, việc TCTT KH&CN dạng số thông qua các công cụ hỗ trợ như máy tính, internet... được xem là phương thức tiếp cận chủ đạo và được nhận diện cụ thể trong nghiên cứu.

Nghiên cứu về quyền TCTT KH&CN không thể không nhắc tới quyền TCTT với vai trò là một thành tố quan trọng trong quyền cơ bản

# The conflict between the right to access S&T information and copyright protection from a legal perspective

Tung Son Le<sup>1\*</sup>, Van Tien Tran<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Ministry of Culture, Sports and Tourism

<sup>2</sup>National Academy of Public Administration

Received 26 July 2021; accepted 7 September 2021

## Abstract:

The right to access scientific and technological (S&T) information and copyright are two important legal institutions that play an important role in promoting creative activities, creating a foundation for the realisation of human and civil rights (such as the right to study and research; the right to access and enjoy cultural values, and the right to participate in spiritual and cultural life), and creating a driving force to promote the development of a learning society and a knowledge economy. However, in fact, through research on the current legal situation, these two legal institutions are having certain conflicts. On the basis of analysing the legal situation and identifying existing conflicts between the right to access science and technology information and copyright, the article proposes policy solutions to overcome these conflicts.

**Keywords:** copyright protection, intellectual property, right to access information, S&T information.

**Classification number:** 5.5

của con người. Trong nghiên cứu của Adrian Vasile Cornescu (2009) [1] đã xác định 4 quyền con người, trong đó quyền TCTT được xếp trong nhóm quyền dân sự và chính trị. Mặt khác, quyền này cũng được Luật Nhân quyền quốc tế thừa nhận và xác định trong Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948<sup>1</sup>. Tại Việt Nam, Điều 69 Hiến pháp năm 1992 gọi đó là “quyền được thông tin”, Hiến pháp năm 2013 gọi là “quyền TCTT” và đã có những quy định thừa nhận quyền này như một quyền cơ bản của công dân, được pháp luật bảo đảm thực thi.

Quyền TCTT KH&CN là một bộ phận trong quyền TCTT của công dân, được xác định là *quyền công dân được tìm kiếm, tiếp nhận, thu thập, sử dụng và trao đổi thông tin KH&CN; quyền được sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN từ các thiết chế cung ứng thông tin KH&CN trên nguyên tắc tự do, bình đẳng trong tiếp cận* [2].

Tại Việt Nam, quyền TCTT được thể chế hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, với những nội dung hướng đến 2 vấn

đề: thừa nhận và bảo đảm quyền TCTT KH&CN của công dân.

Việc thừa nhận quyền TCTT KH&CN (nói chung) được quy định tại Điều 25 của Hiến pháp<sup>2</sup>; Luật TCTT 2016 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã cụ thể hóa các quyền này. Theo đó: (i) Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền TCTT; (ii) Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền TCTT. Điều 8 của Luật này cũng quy định, công dân có quyền được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về TCTT.

Ngoại lệ của việc thực hiện quyền TCTT cũng được quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 3 của Luật TCTT. Theo đó: (i) Việc hạn chế quyền TCTT phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; (ii) Việc thực hiện quyền TCTT của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

Việc bảo đảm quyền TCTT được cụ thể hóa bằng các quy định của Hiến pháp và Luật TCTT, được thể hiện trong các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến các thiết chế bảo đảm quyền TCTT KH&CN như: Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN, trong đó Điều 32 quy định về quyền của tổ chức và cá nhân khai thác thông tin KH&CN: được cung cấp thông tin KH&CN nhằm phục vụ nhu cầu hợp pháp của mình; được TCTT KH&CN tạo ra bằng ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật; Luật Thư viện 2019, tại Điều 24 quy định: lấy người sử dụng thư viện làm trung tâm; tạo lập môi trường thân thiện, bình đẳng; bảo đảm quyền tiếp cận và sử dụng thư viện của tổ chức cá nhân; bảo đảm thực hiện quyền TCTT và sử dụng thư viện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan và quy chế, nội quy của thư viện... Trong quy định về việc tiếp cận tài nguyên thông tin của thư viện, Luật Thư viện cũng nhắc đến các yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ (SHTT), bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Ngoài ra, việc cụ thể hóa và bảo đảm quyền TCTT còn được nhắc đến tại khoản 4 Điều 10 Luật Báo chí 2016 với việc quy định TCTT báo chí là một trong các nội dung của quyền tự do báo chí. Tuy vậy, trong phạm vi của nghiên cứu, tác giả tập trung đánh giá việc bảo đảm quyền TCTT KH&CN, được hình thành thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, thuộc nhóm đối tượng: tác phẩm khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và các tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác, bài giảng, công trình khoa học được bảo hộ QTG.

## Bảo hộ QTG

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật SHTT, QTG là *quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu*. Cũng có thể hiểu QTG là quyền của các chủ thể trực tiếp sáng tạo hoặc là chủ sở hữu sản phẩm trí tuệ trong lĩnh vực văn học, nghệ

<sup>1</sup>Tại Điều 19 của Tuyên ngôn khẳng định: mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến; quyền này bao gồm quyền tự do giữ quan điểm không có sự can thiệp, tự do tìm kiếm, tiếp nhận và chia sẻ các ý tưởng và thông tin.

<sup>2</sup>Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, TCTT, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

thuật, khoa học, được thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào (sau đây gọi chung là tác phẩm) [3-5]. Trong đó: (1) Chủ thể của QTG bao gồm cá nhân, các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm; tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tác phẩm<sup>3</sup>; (2) Khách thể của QTG là các tác phẩm do cá nhân hoặc các cá nhân trực tiếp sáng tạo; (3) Nội dung các QTG bao gồm: (i) Quyền nhân thân gồm các quyền: đặt tên cho tác phẩm, đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; công bố tác phẩm; bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, trong đó quyền công bố tác phẩm được xem là quyền gắn với quyền tài sản và có thể chuyển giao; (ii) Quyền tài sản gồm các quyền: làm tác phẩm phái sinh; biểu diễn tác phẩm trước công chúng, sao chép tác phẩm, phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, truyền đạt tác phẩm đến công chúng, cho thuê bản gốc hoặc bản sao đối với tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Nền tảng pháp lý cơ bản của bảo hộ QTG được nhấn mạnh trong các Điều 40, 41 và 62 của Hiến pháp 2013. Trong đó, QTG gắn với các quyền nghiên cứu KH&CN, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ những hoạt động này (đối với chủ thể sáng tạo), quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (đối với chủ thể thụ hưởng). Đồng thời để bảo đảm thực thi, Nhà nước ưu tiên đầu tư, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu KH&CN; bảo đảm quyền nghiên cứu KH&CN, bảo hộ quyền.

Bảo hộ QTG được cụ thể hóa trong các quy định tại Phần II Luật SHTT năm 2005, sửa đổi và bổ sung năm 2009; Nghị định 22/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009 về QTG, quyền liên quan (Nghị định 22) và một số các quy định khác. Trong đó, tập trung quy định việc xác lập QTG (chủ thể, khách thể, nội dung QTG, chứng nhận, đăng ký QTG và quyền liên quan), chuyển nhượng, chuyển giao QTG, các hành vi xâm phạm QTG và các chế tài xử lý...

#### Mối quan hệ giữa quyền TCTT KH&CN với bảo hộ QTG

Tại Hội thảo “Quyền SHTT và quyền con người” do Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) phối hợp với Văn phòng Cao ủy về nhân quyền của Liên hợp quốc (OHCHR) tổ chức năm 1998 đã thảo luận xoay quanh các vấn đề về nguồn gốc và sự phát triển, quyền SHTT với quyền văn hóa, quyền SHTT với sức khỏe con người, quyền SHTT với các tri thức truyền thống và những quan điểm về nhân quyền trong SHTT, tiến bộ khoa học và tiếp cận các lợi ích từ khoa học [6], từ đây có thể khẳng định mối quan hệ thống nhất giữa 2 chế định này trong hệ thống pháp luật.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa 2 quyền này, Laurence R. Helfer (2003) [7] đã đề cập cả 2 khía cạnh sự xung đột và giao thoa giữa quyền con người và SHTT nói chung theo 2 hướng tiếp cận cơ bản: (i) Tiếp cận từ sự xung đột: cách tiếp cận này cho rằng, việc bảo hộ quyền SHTT sẽ khiến giảm đi mức độ hưởng thụ của các quyền con người trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa; (ii) Tiếp cận từ sự hòa hợp giữa 2 quyền này: tiếp cận này được hình thành trên cơ sở xác định phạm vi thích hợp và hài hòa giữa quyền của cá nhân tạo

cho họ một động lực cho việc sáng tạo và đổi mới, đồng thời bảo đảm cho công chúng có thể tiếp cận thành công thành quả và nỗ lực của họ.

Trong các công trình nghiên cứu năm 2016 và 2019 của mình, Peter K. Yu [8, 9] đã nêu bật những ràng buộc, tương tác phức tạp giữa các sản phẩm khoa học, SHTT và nhân quyền. Đồng thời đưa ra quan điểm lấy việc thiết lập quyền con người đối với SHTT làm điểm khởi đầu, đi kèm với nó là 4 lớp cấu trúc trong khuôn khổ quyền con người gồm: sản xuất, lợi nhuận, sự bảo hộ và những giới hạn. Gabriele Spina Ali (2020) [10] đã nghiên cứu, phân loại những tương tác giữa quyền SHTT và quyền con người, trong đó tác giả đã đưa ra phương pháp phân loại tổ chức các mối quan hệ tương tác giữa quyền con người và SHTT, với 3 mô hình tương tác chính là: “công nhận” diễn ra khi luật nâng quyền SHTT lên thứ hạng của quyền con người; “xung đột” khi quyền SHTT và quyền con người giao thoa với nhau; “hợp tác” khi chúng hiệp đồng vận hành.

Xét về nội hàm của quyền TCTT bao gồm các quyền: tìm kiếm, tiếp nhận, thu thập, sử dụng và trao đổi thông tin (tri thức), quyền được sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN; các quyền này đều liên quan trực tiếp đến khách thể của QTG đó là những sản phẩm trí tuệ được cá nhân hoặc các cá nhân trực tiếp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học. Trong xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức, việc tiếp cận với các tác phẩm khoa học có vai trò quan trọng đối với việc học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới, sản xuất..., góp phần tạo ra những tri thức mới, tạo động lực trong phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, có thể thấy, mối quan hệ giữa quyền TCTT KH&CN và QTG được nhận diện ở những khía cạnh đa chiều, bao gồm cả thống nhất và xung đột.

#### Nhận diện xung đột giữa quyền TCTT với bảo hộ QTG

*Quyền sao chép tác phẩm, phân phối bản sao tác phẩm tạo ra rào cản trong việc phát triển tài nguyên thông tin, đặc biệt là tài nguyên thông tin dạng số của các thư viện phục vụ quyền tiếp nhận, sử dụng thông tin của người sử dụng*

Xét trên khía cạnh bảo đảm quyền TCTT KH&CN: sự phát triển của công nghệ thông tin cùng xu thế chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi phương thức TCTT của người sử dụng, xu thế sử dụng các nguồn tin KH&CN dạng số đã và đang trở thành một xu thế căn hướng đến. Trong đó, các tổ chức thông tin KH&CN như thư viện, trung tâm thông tin thư viện (sau đây gọi chung là thư viện) là một trong những đối tượng hỗ trợ đắc lực trong việc bảo đảm phục vụ quyền tiếp nhận, sử dụng thông tin của người sử dụng. Tuy vậy, theo quy định về quyền sao chép tác phẩm, phân phối bản sao tác phẩm tại điểm c và d khoản 1 Điều 20 Luật SHTT và khoản 2 Điều 22 Nghị định 22 thì sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu là việc sao chép không quá một bản. Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số. Đây là một trong những rào cản đối với hoạt động phát triển tài nguyên thông tin dạng số của các thư viện.

Tiếp cận từ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thư viện, việc tạo ra bản sao kỹ thuật số tác phẩm để lưu trữ trong thư viện không mang ý nghĩa trong việc phân phối, truyền bá tác phẩm để phục vụ quyền tiếp nhận, sử dụng thông tin của người sử dụng. Nội dung này xung đột với khoản 3 Điều 31 Luật Thư viện về phát triển thư viện số, khi quy định tại Điều 31 hướng đến việc xây dựng thư viện số nhằm khai thác

<sup>3</sup>Tác giả sử dụng thuật ngữ “chủ sở hữu tác phẩm” thay cho “chủ sở hữu QTG” như trong Luật SHTT hiện nay, do thuật ngữ “chủ sở hữu QTG” chỉ nắm quyền tài sản chứ không hề nắm quyền nhân thân.

tài nguyên thông tin số cho người sử dụng thư viện.

Với quy định này, việc phát triển tài nguyên thông tin dạng số hướng đến xây dựng thư viện số nhằm đa dạng hóa phương thức phục vụ hướng đến chuyển đổi số của ngành thư viện gặp nhiều vướng mắc liên quan đến các quy định về QTG. Kết quả nghiên cứu trường hợp của thư viện công cộng (đối tượng phục vụ là toàn thể cộng đồng) về tình hình phát triển tài nguyên thông tin số trong giai đoạn 2016-2019 được thể hiện ở bảng 1.

**Bảng 1. So sánh tỷ lệ tài nguyên thông tin dạng số so với dạng in trong giai đoạn 2016-2019.**

	2016	2017	2018	2019
Tài nguyên thông tin số (đầu tài liệu)	906.303	1.002.141	2.809.698	3.028.344
Tài nguyên thông tin dạng in (đầu tài liệu)	39.389.712	40.716.048	42.302.974	43.968.664
So sánh tỷ lệ %	2,3	2,4	6,6	6,9

Nguồn: các tác giả tổng hợp từ Số liệu hoạt động thư viện công cộng qua các năm 2016-2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Kết quả bảng 1 cho thấy, số tài nguyên thông tin dạng số của thư viện trong giai đoạn 2016-2019 có bước phát triển đáng kể, tuy vậy so với tài nguyên thông tin dạng in còn chiếm một tỷ trọng khiêm tốn. Trong xu thế chuyển đổi số, vấn đề tiếp nhận và sử dụng thông tin của người dân ngày càng phong phú đa dạng, không gian mạng và chuyển đổi số đã và đang trở thành phương thức chủ yếu. Xung đột này dẫn đến những hệ quả: (i) Khả năng TCTT (tri thức) thông qua thư viện sẽ ngày càng giảm sút, thư viện hay các tổ chức thông tin KH&CN khác sẽ không còn là lựa chọn, sự ưu tiên số 1 của người sử dụng thông tin; (ii) Khả năng hiện đại hóa thư viện, hướng đến chuyển đổi số của thư viện ở mức độ thấp, thư viện truyền thống và phương thức truyền thống vẫn giữ vai trò chính.

*Xét trên khía cạnh bảo hộ QTG:* vấn đề bảo hộ QTG trong trường hợp tiếp cận thông tin KH&CN tại các thư viện cũng cần được nhắc đến, bởi lẽ ngay cả khi thư viện hay chủ sở hữu tác phẩm cài đặt phần mềm chống sao chép thì cũng không thể loại bỏ trường hợp có nhiều hơn 1 người tạo ra bản sao tác phẩm thông qua hình thức chụp. Bởi lẽ, theo quy định của Luật SHTT, “bản chụp” cũng được xem là bản sao tác phẩm<sup>4</sup>, ví dụ người sử dụng khi truy cập internet không thể copy tác phẩm nhưng vẫn có thể sử dụng thiết bị chụp ảnh để chụp lại màn hình máy tính và từ đó có thể nhân lên thành nhiều bản (hiện tại chưa ghi nhận có bất kỳ công nghệ nào có thể chống lại “chụp” màn hình máy tính). Việc tự sao chép 1 bản nhằm mục đích khoa học, giảng dạy của cá nhân là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Luật SHTT.

**Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng xung đột với quyền được tiếp nhận, sử dụng và trao đổi thông tin**

Xuất phát từ đặc tính của thông tin KH&CN là tính luân chuyển, theo đó, thông tin tri thức khoa học phải được phổ biến, lưu thông trong cộng đồng để phát huy giá trị của nó. Do vậy, khâu truyền đạt các tác phẩm khoa học đến với công chúng được xem là một trong

những nội dung quan trọng, ảnh hưởng không chỉ đối với quyền TCTT KH&CN của tổ chức, cá nhân mà quan trọng hơn nó còn ảnh hưởng đến hoạt động KH&CN và đổi mới.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 và 2 Điều 20 Luật SHTT, việc thực hiện quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng do chủ sở hữu tác phẩm độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện. Trong khi đó, việc tiếp nhận, sử dụng, trao đổi thông tin được người dân thực hiện thông qua các nền tảng cơ bản như các thiết chế cung cấp thông tin hoặc thông qua không gian mạng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Thư viện, thư viện thực hiện việc truyền thông về tài nguyên thông tin, hay nói cách khác thông qua các hoạt động chuyên môn của mình, thư viện thực hiện truyền đạt nội dung tác phẩm đến với công chúng thông qua không gian mạng, hoặc thông qua các hoạt động văn hóa tổ chức tại thư viện để người dân có thể tiếp nhận, sử dụng và trao đổi thông tin.

Trên thực tế, để thực hiện hoạt động này, các thư viện đưa thông tin thư mục, hoặc thông tin toàn văn của tác phẩm lên không gian mạng, để người sử dụng nắm được thông tin, tiếp nhận, sử dụng, trao đổi thông tin và xem đó như một hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện. Như vậy, đặt trong mối quan hệ tương quan giữa việc thực thi pháp luật về QTG và pháp luật về quyền TCTT đã có sự xung đột. Thậm chí, hoạt động này của thư viện (trong trường hợp thư viện hoặc cơ quan chủ quản của thư viện không phải là chủ sở hữu tác phẩm) được xem là xâm phạm quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng, bởi lẽ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 20, quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng thuộc về chủ sở hữu tác phẩm.

Ở một khía cạnh khác, đối với những tác phẩm khoa học, được tạo ra từ ngân sách nhà nước (các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học) và được lưu giữ trong các tổ chức thông tin KH&CN của các bộ ngành, địa phương, việc truyền đạt các tác phẩm đến công chúng chủ yếu chỉ dừng lại ở mức độ thông tin thư mục (là thông tin được tạo lập và sử dụng nhằm thông báo, giới thiệu, tuyên truyền về tài liệu)<sup>5</sup> thay vì tiếp cận toàn văn, tại các thư viện, việc khai thác các nguồn tài nguyên nội sinh (luận văn, luận án, các đề tài khoa học) chủ yếu phục vụ cho đối tượng trong nhà trường, chưa có cơ chế mở rộng, phục vụ các đối tượng bên ngoài để tiếp cận, để tri thức KH&CN có thể hướng đến cộng đồng và phục vụ cuộc sống, từ đó chưa tạo ra sự gắn kết giữa khu vực nghiên cứu với khu vực sản xuất. Từ đây, đặt ra vấn đề về việc khai thác QTG trong việc công bố và truyền đạt các tác phẩm khoa học đến với công chúng trong trường hợp chủ sở hữu tác phẩm khoa học là Nhà nước.

**Quyền làm tác phẩm phái sinh xung đột với quyền được tiếp cận đối với các sản phẩm thông tin KH&CN trong các thiết chế cung cấp thông tin**

Quyền làm tác phẩm phái sinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Luật SHTT, theo đó chủ sở hữu tác phẩm được độc quyền thực hiện hoặc cho phép thực hiện theo quy định đối với các hoạt động: dịch thuật từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn<sup>6</sup>... Quyền làm tác phẩm phái sinh thuộc nhóm quyền tài sản đối với tác phẩm. Tác phẩm phái

<sup>4</sup>Khoản 10 Điều 4 Luật SHTT quy định sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

<sup>5</sup>Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư 10/2017/TT-BKH&CN ngày 28/6/2017 quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

<sup>6</sup>Khoản 8 Điều 4 Luật SHTT.

sinh được phân thành 2 nhóm: có tác động đến tác phẩm gốc như: dịch, phỏng tác, cải biên, chuyển thể; không tác động đến tác phẩm gốc như tuyển chọn... [11].

Trong khi đó, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của thư viện, hoạt động thông tin KH&CN, ngoài việc cung ứng thông tin, còn có cung ứng sản phẩm và dịch vụ thông tin cho người sử dụng. Trong bối cảnh hiện nay, với nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng, cung ứng sản phẩm thông tin phù hợp với từng nhóm đối tượng chuyên biệt đã và đang trở thành một xu thế tất yếu. Việc tạo lập sản phẩm thông tin gắn với quá trình xử lý thông tin (bao gồm: nội dung và hình thức thể hiện), trong đó nhiều sản phẩm được tạo ra tác động vào nội dung thông tin như: biên soạn, chú giải, tuyển chọn, tổng luận, đánh giá thông tin... nhằm tạo ra các cơ sở dữ liệu thư mục, cơ sở dữ liệu, dữ kiện và cơ sở dữ liệu toàn văn cùng các thông tin chuyên đề phục vụ người sử dụng, các nội dung này đã được thể chế hóa tại khoản 2 Điều 28 Luật Thư viện.

Có thể thấy, thông qua hoạt động phát triển sản phẩm thông tin của các thư viện, một số sản phẩm thông tin được tạo ra là đối tượng điều chỉnh của pháp luật về QTG. Như vậy, tiếp cận từ hệ thống pháp luật, có thể thấy, có sự xung đột trong chủ thể có quyền tạo ra một số loại hình tác phẩm phái sinh giữa pháp luật về QTG và quyền TCTT. Sự xung đột này dẫn đến hệ quả là sự phát triển những sản phẩm thông tin chuyên biệt, sản phẩm thông tin mang hàm lượng chất xám và tri thức còn hạn chế trong các tổ chức thông tin KH&CN do rào cản về QTG, từ đó hạn chế quyền tiếp cận và sử dụng các sản phẩm thông tin KH&CN của tổ chức, cá nhân.

### **Đề xuất hướng tiếp cận và điều chỉnh hệ thống pháp luật nhằm khắc phục những xung đột về quyền TCTT với bảo hộ QTG**

#### *Hướng tiếp cận*

Mối quan hệ giữa quyền TCTT và quyền tác giả được xem là một mối quan hệ đa chiều, phức tạp, trong nhiều trường hợp, đó là sự tương hỗ lẫn nhau, khi hầu hết các quy định về quyền TCTT và hoạt động bảo đảm quyền TCTT luôn ghi nhận một rào cản nhất định về bảo đảm thực thi QTG. Tuy vậy, đặt trong bối cảnh phát triển của KH&CN và xu thế chuyên đôi số, với nhu cầu TCTT, tri thức ngày càng đa dạng của người dân, sự xung đột giữa quyền TCTT và QTG cần có những nhận diện cơ bản và giải quyết thấu đáo để vừa bảo đảm quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm nhằm khuyến khích sự sáng tạo, vừa bảo đảm cộng đồng có thể TCTT tri thức, phục vụ việc học tập suốt đời, hỗ trợ hoạt động KH&CN và đổi mới.

Tiếp cận quyền TCTT và QTG là một trong những nội dung nằm trong hệ thống quyền con người và quyền SHTT. Nghiên cứu của Peter K. Yu (2007, 2012) [12, 13] đã đề cập và nhận diện xung đột giữa quyền con người và quyền SHTT ở hai góc độ xung đột ngoại lai và nội bộ, tác giả vận dụng mô hình như trong nghiên cứu của [3] để giải quyết hai xung đột này. Cụ thể: (i) Mô hình giải quyết xung đột ngoại lai, với cơ chế giải quyết xem xét các giới hạn hay ngoại lệ trong hệ thống SHTT từ góc độ hậu kiểm lẫn tiền kiểm. Theo đó, xác lập những giới hạn và ngoại lệ đối với cơ chế xác lập, bảo hộ, khai thác quyền SHTT; (ii) Mô hình giải quyết xung đột nội bộ, với giải pháp trả phí công bằng, theo cách tiếp cận này, chủ sở hữu tác phẩm chỉ nắm quyền hưởng lợi ích, trong khi đó, cộng đồng có thể tiếp cận đến tác phẩm nhưng phải trả phí (trong trường hợp chủ sở hữu tác phẩm không phải là Nhà nước).

Liên quan đến vấn đề tiếp cận và sử dụng khai thác thông tin

KH&CN ở khu vực công với chủ sở hữu tác phẩm là Nhà nước cần có những cơ chế đặc thù theo hướng truy cập tự do và miễn phí cho người sử dụng.

Năm 2011, UNESCO đã đề xuất các hướng dẫn để phát triển các chính sách về TCTT khu vực công, sau đó OECD đã kiểm tra những tác động xã hội và đề xuất một bản khuyến nghị để cải thiện việc tiếp cận và sử dụng thông tin ở khu vực công có tính đến các yêu cầu và hạn chế pháp lý, trong đó vấn đề bản quyền được xác định là một rào cản trong việc TCTT. Năm 2011, tại Hội nghị về vấn đề sử dụng bản quyền để thúc đẩy TCTT và nội dung sáng tạo, WIPO đã đưa ra 5 đề xuất cơ bản cho vấn đề này. Cụ thể: (i) Không nên áp dụng luật tự do thông tin nghiêm ngặt đối với bất kỳ mô hình thúc đẩy tiếp cận và sử dụng thông tin của Chính phủ; (ii) Khuyến khích xóa bỏ tình trạng bản quyền thông tin của khu vực công và các quyền SHTT khác có thể hạn chế công chúng tiếp cận và sử dụng lại thông tin của khu vực công; (iii) Các chính phủ có thể lựa chọn 1 trong số 3 mô hình: đặt tất cả các thông tin của khu vực công trong phạm vi công cộng; sử dụng bản quyền kết hợp các giấy phép mở; bảo vệ tất cả thông tin khu vực công nhưng cho phép sử dụng lại thông qua giấy phép mở, từ bỏ bản quyền; (iv) Khuyến nghị thành lập các công thông tin quốc gia để tạo điều kiện cho việc tiếp cận, phổ biến và tái sử dụng thông tin của khu vực công; (v) Ở những quốc gia nơi thông tin khu vực công được bảo vệ (toàn bộ hoặc một phần) bằng bản quyền, thông tin này phải được phát hành theo giấy phép mở (thông qua giấy phép Creative Commons tiêu chuẩn)<sup>7</sup> [14].

#### *Đề xuất điều chỉnh hệ thống pháp luật nhằm khắc phục những xung đột về quyền TCTT và QTG*

*Điều chỉnh pháp luật về QTG liên quan đến TCTT:* khoản 2 Điều 22 Nghị định 22 cần có sự điều chỉnh nhằm tháo gỡ quy định về tạo ra bản sao tác phẩm (bao gồm cả bản kỹ thuật số) và phân phối bản sao này trong thư viện. Đề thư viện có thể phát huy tối đa các hoạt động cần có sự điều chỉnh với 2 hướng:

**Thứ nhất**, có ngoại lệ nhất định trong việc tạo ra bản sao kỹ thuật số tác phẩm trong thư viện. Theo đó, thư viện được số hóa phục vụ người sử dụng với các trường hợp: (1) Tác phẩm là tài nguyên thông tin nội sinh của cơ quan, tổ chức chủ quản của thư viện, việc số hóa và đưa ra phục vụ tuân theo quy tắc, chính sách của cơ quan chủ quản, đơn cử như các nguồn tin KH&CN là tài liệu nội sinh trong các trường đại học (khóa luận, luận văn, luận án, giáo trình, bài giảng được tạo ra trong quá trình nghiên cứu của các trường đại học...). Trong trường hợp này, các chủ sở hữu tác phẩm cũng cần hướng đến việc cung ứng rộng rãi phục vụ cộng đồng (thay vì chỉ phục vụ cho đối tượng thuộc cơ quan chủ quản) theo nguyên tắc trả phí sử dụng hoặc phát triển tài nguyên giáo dục mở (OER) cho cả cộng đồng tiếp cận [15]; (2) Tác phẩm đã được cấp phép mở theo giấy phép được chủ sở hữu tác phẩm cấp thông qua giấy phép mở của Creative Commons (ở đây muốn nhấn mạnh đến tác phẩm có chủ sở hữu là Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân cho phép sử dụng tác phẩm của mình). Thư viện thực hiện các quyền đối với tác phẩm theo giấy phép mà chủ sở hữu tác phẩm cấp; (3) Tác phẩm thuộc về công chúng theo quy định tại Điều 43 Luật SHTT; (4) Tác phẩm trong thời hạn bảo hộ QTG, việc số hóa tài liệu phải được sự đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm. Thư viện thỏa thuận về mức phí chi trả cho chủ sở hữu tác phẩm trong trường hợp người sử

<sup>7</sup>Creative Commons là một tổ chức phi lợi nhuận, được thành lập từ năm 2001, hoạt động với mục tiêu mở rộng thông tin về quyền tác giả hợp lý, linh hoạt.

dụng bản sao kỹ thuật số tác phẩm khi khai thác tài nguyên thông tin của thư viện (áp dụng theo hướng thứ 2).

**Thứ hai**, trả phí công bằng đối với việc sử dụng bản sao tác phẩm (là bản sao kỹ thuật số) đối với những tác phẩm đang còn thời hạn bảo hộ QTG do thư viện cung cấp. Trong mô hình này, thư viện giữ vai trò là trung gian, cầu nối giữa chủ sở hữu tác phẩm với người sử dụng. Việc chi trả các khoản phí thông qua việc tải các tác phẩm của người sử dụng sẽ được chuyển đến chủ sở hữu tác phẩm. Để thực hiện được nội dung này, ngoài việc hoàn thiện khung pháp lý còn cần đến các giải pháp về công nghệ.

**Hoàn thiện hệ thống chính sách bảo đảm quyền TCTT:** đi cùng với việc sửa đổi và điều chỉnh các quy định của pháp luật về QTG liên quan đến TCTT, đặt ra vấn đề cần thiết lập hệ thống chính sách trong việc bảo đảm quyền TCTT nhằm khắc phục những xung đột giữa QTG và quyền TCTT. Hệ thống chính sách này dựa trên những nền tảng cơ bản như sau:

**Thứ nhất**, thiết lập khung pháp lý trong việc phát triển tài nguyên thông tin số trong các tổ chức thông tin KH&CN. Trên thực tế hiện nay, ngoài quy định tại Điều 25 Luật Thư viện đề cập những nội dung cơ bản trong xây dựng tài nguyên thông tin, cho đến nay chưa có một quy định cụ thể, chi tiết nào về hoạt động này. Việc thiết lập khung pháp lý đối với phát triển tài nguyên thông tin số được xây dựng theo hướng: trong quá trình phát triển tài nguyên thông tin số (bao gồm số hóa tài liệu và mua quyền truy cập đối với các cơ sở dữ liệu số), các tổ chức thông tin KH&CN, các thư viện cần phân loại và xác định rõ tình trạng pháp lý của các nguồn tin liên quan đến bảo hộ QTG để thực hiện bổ sung và có các biện pháp cung ứng phù hợp đối với từng loại tài nguyên thông tin cho người sử dụng.

**Thứ hai**, xây dựng khung pháp lý đối với việc thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu và khai thác các tài nguyên thông tin được sử dụng ngân sách nhà nước, nhằm thúc đẩy việc TCTT đối với khu vực công nói chung và phát huy tối đa giá trị của các thông tin KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động KH&CN và đổi mới, nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, các nguồn tin KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (ngoài những thông tin mật thuộc nhóm không được tiếp cận theo quy định) phải được khai thác toàn văn, cấp phép mở theo giấy phép của Creative Commons tiêu chuẩn, đồng thời phải được liên thông, chia sẻ giữa các tổ chức thông tin KH&CN, các thư viện, tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp thuận tiện trong tiếp cận, phát huy giá trị hàm lượng thông tin tri thức, hướng đến xây dựng hệ thống học liệu mở phục vụ nhu cầu học tập suốt đời và phát triển thông tin tri thức của mỗi quốc gia.

**Thứ ba**, trong bối cảnh phát triển KH&CN và xu thế chuyển đổi số, tác giả đề xuất xây dựng thư viện số quốc gia, đây được xem là giải pháp về kỹ thuật. Thư viện này được xây dựng trên nền tảng tích hợp các tài nguyên thông tin, tri thức KH&CN của các bộ, ngành, lĩnh vực, các tỉnh/thành phố trong cả nước nhằm tạo thuận lợi cho người dân khai thác sử dụng. Trên nền tảng thư viện số này, các tài nguyên thông tin cung cấp cho người dân cần được làm rõ tình trạng pháp lý về QTG để có những ứng xử cho phù hợp, đồng thời thiết lập hệ thống hỗ trợ thanh toán chi phí tiếp cận các tài nguyên thông tin số đối với các tác phẩm trong thời hạn bảo hộ; khoản chi phí này sẽ được chuyển cho chủ sở hữu tác phẩm nhằm bảo đảm việc cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu tác phẩm và người sử dụng.

## Kết luận

Quyền TCTT KH&CN và QTG là hai chế định pháp luật quan trọng thúc đẩy hoạt động sáng tạo của mỗi cá nhân, cũng như thúc đẩy việc thực thi các quyền con người khác như nghiên cứu KH&CN, sáng tạo văn học, nghệ thuật, tiếp cận các giá trị văn hóa. Nhận diện thấu đáo sự xung đột giữa quyền TCTT KH&CN với bảo hộ QTG mang ý nghĩa quan trọng, không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra đối với việc bảo đảm quyền TCTT trong xu thế chuyển đổi số, thúc đẩy hiện đại hóa các thiết chế cung ứng thông tin KH&CN mà còn góp phần giải quyết hài hòa những lợi ích cá nhân, thúc đẩy sự sáng tạo với lợi ích của cộng đồng trong việc TCTT KH&CN thúc đẩy hoạt động học tập, nghiên cứu, sáng tạo.

Do hạn chế về dung lượng và tính phức tạp của nghiên cứu nên một số nội dung chưa được phân tích, nhận diện thấu đáo, cần có các nghiên cứu tiếp theo như: hệ thống giấy phép mở của Creative Commons trong việc cấp phép mở đối với thông tin KH&CN có chủ sở hữu là Nhà nước; quá trình liên thông, chia sẻ nguồn tin KH&CN hướng đến xây dựng nguồn học liệu mở phục vụ nhu cầu học tập của người dân cùng những chính sách phụ trợ đi kèm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Adrian Vasile Cornescu (2009), *The Generation of Human Rights, Day of Law*, [https://www.law.muni.cz/sborniky/dny\\_prava\\_2009/files/prispevky/tvorba\\_prava/Cornescu\\_Adrian\\_Vasile.pdf](https://www.law.muni.cz/sborniky/dny_prava_2009/files/prispevky/tvorba_prava/Cornescu_Adrian_Vasile.pdf) (truy cập ngày 9/8/2021).
- [2] Lê Tùng Sơn, Thạch Thị Hoàng Yến, Trần Văn Hồng (2021), “Quyền tiếp cận thông tin khoa học và công nghệ trong hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới ở Việt Nam”, *Tap chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, **63(4)**, tr.50-55.
- [3] Trần Kiên (2020), *Sự xung đột giữa quyền con người và quyền sở hữu trí tuệ tiếp cận từ triết lý pháp luật và thực tiễn pháp lý*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa và Nhà xuất bản Tư pháp.
- [5] Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- [6] WIPO (1998), *Intellectual Property and Human Rights*, 50<sup>th</sup> Anniversary of the Universal Declaration of Human Rights (1998), [https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo\\_pub\\_762.pdf](https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_762.pdf) (truy cập ngày 4/8/2021).
- [7] Laurence R. Helfer (2003), “Human rights and intellectual property: conflict or coexistence?”, *Minnesota Intellectual Property Review*, **5(1)**, pp.47-61.
- [8] Peter K. Yu (2016), “The anatomy of the human rights framework for intellectual property”, *SUM Law Review*, **69(1)**, pp.38-95.
- [9] Peter K. Yu (2019), “Intellectual property and human rights 2.0”, *University of Richmond Law Review*, **53**, pp.1377-1452.
- [10] Gabriele Spina Ali (2020), “Intellectual property and human rights: a taxonomy of their interactions”, *IIC - International Review of Intellectual Property and Competition Law*, **51**, pp.411-445.
- [11] Trần Văn Hải (2012), “Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh”, *Tap chí Khoa học Pháp lý*, **4**, tr.18-23.
- [12] Peter K. Yu (2007), “Reconceptualizing intellectual property interests in a human rights framework”, *U.C. Davis Law Review*, **40**, pp.1039-1149.
- [13] Peter K. Yu (2012), “Intellectual property and human rights in the nonmultilateral era”, *Florida Law Review*, **64**, pp.1045-1100.
- [14] WIPO (2011), *Workshop on Using Copyright to Promote Access to Information and Creative Content*, [https://www.wipo.int/edocs/mdocs/copyright/en/wipo\\_cr\\_wk\\_ge\\_11/wipo\\_cr\\_wk\\_ge\\_11\\_4.pdf](https://www.wipo.int/edocs/mdocs/copyright/en/wipo_cr_wk_ge_11/wipo_cr_wk_ge_11_4.pdf) (truy cập ngày 8/5/2021).
- [15] Trần Văn Hải (2017), “Bảo hộ quyền tác giả trong việc xây dựng ‘tài nguyên giáo dục mở’”, *Tap chí Pháp luật và Thực tiễn*, **4**, tr.32-44.